

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8

Số 02-03 TTB - Khu Xuân Phương Garden, P.Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán kèm theo.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102333784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 04/6/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102333784 thay đổi lần thứ 08 ngày 04/6/2020 là 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Housing and Urban Development Investment Joint Stock Company HUD8. Tên viết tắt: HUD8., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán: HD8.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02 - 03 TTB - Khu Xuân Phương Garden, phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Thành viên
Ông Lê Minh Phúc	Thành viên
Ông Lê Quang Phong	Thành viên
Bà Phùng Thị Phương Anh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 22/4/2021)
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/4/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Minh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Giang	Thành viên (Từ nhiệm ngày 22/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Hải	Giám đốc
Ông Lê Minh Phúc	Phó Giám đốc

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: 94/2022/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8, được lập ngày 28/02/2022, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo Thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán số 04-2021/BCKT/HUD8-CN3 phát hành ngày 29/01/2021 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		280.815.873.673	224.136.935.992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.360.824.147	39.589.839.203
1. Tiền	111		4.610.626.144	12.821.637.013
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.750.198.003	26.768.202.190
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.164.794.522	14.116.317.808
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	31.164.794.522	14.116.317.808
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.478.793.162	8.267.533.800
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	547.396.000	1.706.940.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.034.858.711	2.579.585.111
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	100.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.896.538.451	3.981.008.164
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	107.000.199.412	160.990.008.941
1. Hàng tồn kho	141		107.000.199.412	160.990.008.941
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		811.262.430	1.173.236.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	720.222.987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	811.262.430	453.013.253
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230+240+250+260)	200		10.837.596.937	22.825.733.252
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.060.700.703	1.797.498.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.060.700.703	1.797.498.891
<i>Nguyên giá</i>	222		5.678.320.909	5.678.320.909
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.617.620.206)	(3.880.822.018)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	5.248.837.296	5.557.110.441
<i>Nguyên giá</i>	231		6.286.410.170	6.483.362.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.037.577.874)	(926.252.473)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.528.063.938	15.471.123.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	195.185.435	471.123.920
5. Lợi thế thương mại	269		4.332.878.503	15.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		291.653.470.610	246.962.669.244

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		168.688.843.239	117.970.139.278
I. Nợ ngắn hạn	310		156.255.282.694	100.275.873.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	31.042.100	1.934.463.029
2. Người mua trả tiền trước	312		-	14.010.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.507.349.507	44.494.991
4. Phải trả người lao động	314		1.380.887.584	945.686.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	48.397.143.650	1.196.820.907
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	98.262.068.682	86.808.049.333
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.421.727.113	7.142.077.018
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.255.064.058	2.190.270.558
II. Nợ dài hạn	330		12.433.560.545	17.694.265.721
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	12.433.560.545	17.694.265.721
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		122.964.627.371	128.992.529.966
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	122.964.627.371	128.992.529.966
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.220.982.498	9.220.982.498
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.743.644.873	19.771.547.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.563.358.968	12.576.986.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.180.285.905	7.194.560.788
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		291.653.470.610	246.962.669.244

Người lập biểu



Võ Thị Nhân

Kế toán trưởng



Tạ Văn Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	127.137.679.494	113.991.034.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	127.137.679.494	113.991.034.885
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	103.909.728.346	93.869.223.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.227.951.148	20.121.810.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.027.413.128	552.700.753
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	30.000.000	78.694.660
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	78.694.660
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	(27.083.148)	(789.173.721)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	19.431.248.855	12.515.266.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		8.821.198.569	8.869.724.499
11. Thu nhập khác	31		312.362.210	23.804.316
12. Chi phí khác	32		571.150.200	10.173.711
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	(258.787.990)	13.630.605
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.562.410.579	8.883.355.104
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.382.124.674	1.688.794.316
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.180.285.905	7.194.560.788
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.180.285.905	7.194.560.788
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	518	603

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Nhân

Tạ Văn Phương

Nguyễn Ngọc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.562.410.579	8.883.355.104
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	848.123.589	894.406.115
- Các khoản dự phòng	03	-	(898.922.025)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.027.413.128)	(553.158.935)
- Chi phí lãi vay	06	-	78.694.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.383.121.040	8.404.374.919
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(22.926.919.891)	20.131.146.451
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	53.989.809.529	76.810.006.117
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	51.412.838.409	(38.395.652.611)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	275.938.485	369.985.303
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.000.000)	(78.694.660)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.173.888.242)	(2.154.728.152)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	390.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.150.882.285)	(643.431.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	85.170.017.045	64.443.006.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(187.880.000)
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(355.300.932.504)	(52.000.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	276.555.073.230	23.158.290.924
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	147.452.173	485.497.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.598.407.101)	(28.544.091.597)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.078.694.660
4. Chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.660.378.605)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.800.625.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.800.625.000)	(12.581.683.945)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(3.229.015.056)	23.317.230.825
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.589.839.203	16.272.608.378
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	5.1	36.360.824.147	39.589.839.203

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Thị Nhân

Tạ Văn Phương

Nguyễn Ngọc Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102333784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 04/6/2020.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 04/6/2020 của Công ty là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán: HD8.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02 - 03 TTB - Khu Xuân Phương Garden, phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động tại 31/12/2021: 23 người (Tại 01/01/2021: 25 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập, quản lý các dự án đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung;
- Xây dựng nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp, đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình nhà;
- Tư vấn, quản lý bất động sản, quản lý khai thác dịch vụ các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch công trình xây dựng; tư vấn thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; tổng thầu tư vấn và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng bao gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn công nghệ thiết bị và tự động hóa, lập dự toán và thẩm tra tổng dự toán;
- Nhận thầu và tổng thầu xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, buru chính viễn thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh nhà, khu đô thị, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021 Công ty có Công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Thịnh Phát Land	Số 02&03-TTB, Khu Xuân Phương Garden, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở nguyên tắc kế toán dồn tích và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty con và Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty con phù hợp với chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay: Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 41

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận nợ vay và chi phí đi vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa đầy đủ hồ sơ, chứng từ kế toán.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu, chi phí đầu tư khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán (hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính).

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính theo tỷ lệ % giá trị công trình được quy định tại từng hợp đồng thi công xây lắp.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty. Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)***Doanh thu bất động sản***

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

Doanh thu bất động sản được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác gồm: các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh như nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường tài sản bị tổn thất, ...

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp, kinh doanh bất động sản là chủ yếu và theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Ban Giám đốc Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	783.194.582	10.057.869.856
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.827.431.562	2.763.767.157
Các khoản tương đương tiền (i)	31.750.198.003	26.768.202.190
Tổng	36.360.824.147	39.589.839.203

(i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01-03 tháng với lãi suất 3,4% - 3,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng (ii)	31.164.794.522	31.164.794.522	14.116.317.808	14.116.317.808
Tổng	31.164.794.522	31.164.794.522	14.116.317.808	14.116.317.808

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 09 tháng với lãi suất 3,8% - 6%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	547.396.000	547.396.000
Phải thu khách hàng dự án HUD Sơn Tây	-	1.159.544.525
Tổng	547.396.000	1.706.940.525
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>547.396.000</i>	<i>547.396.000</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel-CN Hà Nội	292.500.000	292.500.000
Công ty Cổ phần An Trường Phát	-	280.834.800
Công ty Cổ phần TD và cộng sự	-	200.296.200
Công ty CP Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	1.489.524.111	1.489.524.111
Các đối tượng khác	252.834.600	316.430.000
Tổng	2.034.858.711	2.579.585.111

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (*)	100.000.000.000	-	-	-
Tổng:	100.000.000.000	-	-	-
<i>Phải thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

(*) Cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị vay theo Nghị quyết số 224/NQ-HĐQT ngày 30/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8; các Hợp đồng vay vốn với thời gian vay 09 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Phải thu khác ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	30.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	1.950.000.000	-	1.950.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	850.081.715	-	55.666.517	-
Chi phí GPMB được trừ vào tiền sử dụng đất	-	-	1.924.631.664	-
Thuế thu nhập cá nhân	757.225	-	757.225	-
BHXH, BHYT, BHTN	3.474.858	-	2.207.758	-
Phải thu khác	62.224.653	-	47.745.000	-
Tổng:	2.896.538.451	-	3.981.008.164	-
<i>Phải thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>507.671.233</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.000.199.412	-	160.990.008.941	-
- Dự án KĐT HUD-Son Tây	38.027.761.345	-	117.979.485.637	-
- Dự án Xuân Phương Garden	68.972.438.067	-	40.813.847.306	-
- Dự án Bình Minh - Lào Cai	-	-	2.196.675.998	-
Tổng	107.000.199.412	-	160.990.008.941	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	91.818.182	5.586.502.727	5.678.320.909
Số dư tại 31/12/2021	91.818.182	5.586.502.727	5.678.320.909
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	91.818.182	3.789.003.836	3.880.822.018
Khấu hao trong năm	-	736.798.188	736.798.188
Số dư tại 31/12/2021	91.818.182	4.525.802.024	4.617.620.206
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	-	1.797.498.891	1.797.498.891
Tại ngày 31/12/2021	-	1.060.700.703	1.060.700.703

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 1.257.531.818 đồng (tại ngày 01/01/2021: 1.257.531.818 đồng).

5.9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	6.483.362.914	-	196.952.744	6.286.410.170
- Ki ốt D1-Tây Nam Linh Đàm	6.483.362.914	-	196.952.744	6.286.410.170
Giá trị hao mòn lũy kế	926.252.473	111.325.401	-	1.037.577.874
- Ki ốt D1-Tây Nam Linh Đàm	926.252.473	111.325.401	-	1.037.577.874
Giá trị còn lại	5.557.110.441	-	-	5.248.832.296
- Ki ốt D1-Tây Nam Linh Đàm	5.557.110.441	-	-	5.248.832.296

Bất động sản đầu tư cho thuê gồm: 17 căn Ki ốt tại tầng 1 thuộc chung cư D1 - CT2 Khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 368.308.625 VND và 111.325.401 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Dài hạn		
Phí bảo trì D1 CT2 Linh Đàm - Kí ốt cho thuê	-	163.497.318
Hoàn thiện thi công HĐXD 1507/2019/BM-HUD8	-	71.735.356
Hoàn thiện VP theo HDD31/2019/HUD8/HĐ-XL	-	101.013.817
Chi phí thuê văn phòng	162.887.097	134.838.710
Chi phí khác (CCDC)	32.298.338	38.719
Tổng	<u>195.185.435</u>	<u>471.123.920</u>

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Aluwindow	-	-	1.891.856.729	1.891.856.729
Công ty CP An Trường Phát	21.484.050	21.484.050	-	-
Các đối tượng khác	9.558.050	9.558.050	42.606.300	42.606.300
Tổng	<u>31.042.100</u>	<u>31.042.100</u>	<u>1.934.463.029</u>	<u>1.934.463.029</u>

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu	Số phát sinh trong năm		Số phải thu
	<u>01/01/2021</u>	Phải nộp	Đã nộp	<u>31/12/2021</u>
Thuế TNDN	453.013.053	1.514.101.984	1.872.351.361	811.262.430
Các loại thuế khác	200	200	-	-
Tổng:	<u>453.013.253</u>	<u>1.514.102.184</u>	<u>1.872.351.361</u>	<u>811.262.430</u>

b) Các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp	Số phát sinh trong năm		Số phải nộp
	<u>01/01/2021</u>	Phải nộp	Đã nộp	<u>31/12/2021</u>
Thuế GTGT nội địa	-	7.181.574.361	5.374.765.780	1.806.808.581
Thuế TNDN	-	1.868.022.690	1.173.888.242	694.134.448
Thuế TNCN	44.494.991	208.229.487	246.318.000	6.406.478
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	22.940.728	22.940.728	-
Các loại thuế khác	-	9.500.000	9.500.000	-
Tổng:	<u>44.494.991</u>	<u>9.290.267.266</u>	<u>6.827.412.750</u>	<u>2.507.349.507</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án Nhà TT2-TT6B Tây Nam Hồ Linh Đàm	-	348.489.090
Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm (TT6D, D1 CT2)	-	703.786.362
Dự án Bình Minh - Lào Cai	1.491.965.400	-
Dự án HUD Sơn Tây	417.920.747	-
Dự án Xuân Phương Garden (i)	46.377.257.503	-
Chi phí khác	110.000.000	144.545.455
Tổng	48.397.143.650	1.196.820.907

- (i) Các chi phí còn phải đầu tư của Dự án Xuân Phương Garden gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan được trích lập trên cơ sở dự toán chi phí đầu tư theo phương án kinh doanh và các hợp đồng đã ký kết với nhà thầu.

5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	98.262.068.682	86.808.049.333
Doanh thu chưa thực hiện (dự án HUD-Sơn Tây)	41.685.234.709	48.547.413.866
Doanh thu chưa thực hiện (dự án Xuân Phương)	56.576.833.973	34.026.533.285
Doanh thu chưa thực hiện (Bình Minh - Lào Cai)	-	4.234.102.182
b) Dài hạn	12.433.560.545	17.694.265.721
Doanh thu chưa thực hiện (cho thuê ki ốt)	12.433.560.545	12.801.869.170
Doanh thu chưa thực hiện (dự án Xuân Phương)	-	4.892.396.551
Tổng	110.695.629.227	104.502.315.054

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	20.000.000
Tiền đặt cọc sửa nhà dự án Vân Canh	700.000.000	900.000.000
Phí dịch vụ quản lý các khu đô thị	768.165.000	1.030.264.721
Phải trả của dự án Xuân Phương	-	215.516.366
Các khoản phải trả khác	953.562.113	4.976.295.931
Tổng	2.421.727.113	7.142.077.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	9.220.982.498	24.445.254.680	133.666.237.178
Lãi trong năm trước	-	-	7.194.560.788	7.194.560.788
Trích lập các quỹ	-	-	(1.868.268.000)	(1.868.268.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư 31/12/2020	100.000.000.000	9.220.982.498	19.771.547.468	128.992.529.966
Số dư 01/01/2021	100.000.000.000	9.220.982.498	19.771.547.468	128.992.529.966
Lãi trong năm nay	-	-	5.180.285.905	5.180.285.905
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(1.161.688.500)	(1.161.688.500)
Chia cổ tức (i)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Giảm khác (i)	-	-	(46.500.000)	(46.500.000)
Số dư 31/12/2021	100.000.000.000	9.220.982.498	13.743.644.873	122.964.627.371

- (i) Chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 78/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Chi tiết như sau:
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.161.688.500 VND (Công ty mẹ: 1.071.688.500 đồng, Công ty con: 90.000.000 đồng).
 - Chia cổ tức bằng tiền 10% vốn Điều lệ: 10.000.000.000 VND.
 - Chi thù lao Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế: 46.500.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng:	100.000.000.000	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.000.000.000	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	126.769.370.869	113.626.213.813
Doanh thu cho thuê Ki-ốt	368.308.625	364.821.072
Tổng	127.137.679.494	113.991.034.885

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	103.798.402.945	93.710.389.444
Giá vốn cho thuê Ki - ốt	111.325.401	158.834.444
Tổng	103.909.728.346	93.869.223.888

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.027.413.128	552.700.753
Tổng	5.027.413.128	552.700.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi vay	-	78.694.660
Chi phí tài chính khác	30.000.000	-
Tổng	30.000.000	78.694.660

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoàn nhập dự phòng chi phí bảo hành	-	(794.273.721)
Chi phí bằng tiền khác	(27.083.148)	5.100.000
Tổng	(27.083.148)	(789.173.721)

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	364.912.657	492.195.310
Chi phí nhân viên	5.141.564.609	6.208.714.647
Chi phí khấu hao TSCĐ	736.798.188	735.571.671
Thuế, phí, lệ phí	35.769.357	36.753.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.577.339.215	1.861.554.310
Chi phí bằng tiền khác	907.743.332	680.476.584
Lợi thế thương mại	10.667.121.497	2.500.000.000
Tổng	19.431.248.855	12.515.266.312

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	312.362.210	23.804.316
Thanh lý TSCĐ	-	458.182
Thu nhập khác	312.362.210	23.346.134
Chi phí khác	571.150.200	10.173.711
Chi phí khác	571.150.200	10.173.711
Lợi nhuận khác	(258.787.990)	13.630.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.382.124.674	1.688.794.316
Điều chỉnh thuế TNDN theo QĐ của cơ quan thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.382.124.674	1.688.794.316

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.180.285.905	7.194.560.788
- Các khoản điều chỉnh giảm (i)	-	(1.161.688.500)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu	5.180.285.905	6.032.872.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	518	603

(i): Lợi nhuận kế toán của năm 2021, do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua việc trích lập các quỹ, do đó Công ty chưa ước tính được số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Năm 2020, Công ty điều chỉnh lại kết quả hoạt động kinh doanh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước và xác định số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Do đó chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 sẽ thay đổi như sau:

	Đã trình bày Năm 2020 VND	Trình bày lại Năm 2020 VND	Tăng/Giảm VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.427.268.307	7.194.560.788	1.767.292.481
- Các khoản điều chỉnh giảm (i)	-	(1.161.688.500)	(1.161.688.500)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.427.268.307	6.032.872.288	605.603.981
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	543	603	60

(i) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	364.912.657	492.195.310
Chi phí nhân công	5.141.564.609	6.208.714.647
Chi phí khấu hao TSCĐ	736.798.188	735.571.671
Thuế, phí, lệ phí	35.769.357	36.753.790
Hoàn nhập dự phòng chi phí bảo hành	-	(794.273.721)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.577.339.215	1.861.554.310
Chi phí bằng tiền khác	907.743.332	685.576.584
Lợi thế thương mại	10.667.121.497	2.500.000.000
Tổng	19.431.248.855	11.726.092.591

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Chi tiết thù lao, lương và thu nhập khác năm 2021 của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã tham gia quản lý, điều hành trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Phúc Khánh	Chủ tịch HĐQT	395.071.706	431.144.689
Ngô Doãn	Chủ tịch HĐQT	-	196.083.808
Nguyễn Ngọc Hải	Thành viên HĐQT, Giám đốc	399.558.298	430.694.145
Lê Minh Phúc	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	355.042.347	431.039.637
Phùng Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	11.100.000	275.416.873
Lê Quang Phong	Thành viên HĐQT	263.780.606	327.778.980
Nguyễn Đức Minh	Thành viên HĐQT	144.963.650	-
Trần Đình Vọng	Thành viên HĐQT	-	14.430.000
Nguyễn Việt Thịnh	Phó Giám đốc	-	313.082.768
Tạ Văn Phương	Kế toán trưởng	293.760.440	416.650.377
Phan Thị Minh Hương	Trưởng Ban kiểm soát	257.350.623	313.440.067
Bùi Hoàng Giang	Thành viên Ban kiểm soát	3.700.000	124.892.925
Dương Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	115.075.871	-
Tổng		2.251.403.541	3.286.654.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch với cá bên liên quan

Giao dịch khác với các bên liên quan	Nội dung	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Cho công ty mẹ vay vốn	100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Trả cổ tức cho công ty mẹ	5.100.000.000	5.100.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Phí dịch vụ quản lý khu đô thị	1.100.484.000	2.086.993.137
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Lãi phải thu công ty mẹ vay vốn	507.671.233	-

c) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
1. Phải thu về giao dịch bán hàng		547.396.000	547.396.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Ủy quyền quản lý giám sát thi công	547.396.000	547.396.000
2. Phải thu về cho vay		100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Vay vốn	100.000.000.000	-
3. Phải thu khác		507.671.233	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Lãi phải thu công ty mẹ vay vốn	507.671.233	-
4. Phải trả khác		768.165.000	1.030.264.721
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị (Công ty mẹ)	Phí dịch vụ quản lý khu đô thị	768.165.000	1.030.264.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được điều chỉnh hội tố theo Thông báo kết luận số 506/TB-KTNN ngày 22/11/2021 của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết số liệu được điều chỉnh và thay đổi như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	MS	Đã trình bày 31/12/2020 VND	Trình bày lại 01/01/2021 VND	Tăng/Giảm VND
Tài sản				
Hàng tồn kho	141	159.222.716.460	160.990.008.941	1.767.292.481
Nguồn vốn				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	5.427.268.307	7.194.560.788	1.767.292.481

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	MS	Đã trình bày Năm 2020 VND	Trình bày lại Năm 2020 VND	Tăng/Giảm VND
Giá vốn hàng bán	11	95.636.516.369	93.869.223.888	(1.767.292.481)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.116.062.623	8.883.355.104	1.767.292.481
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.427.268.307	7.194.560.788	1.767.292.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	543	603	60

Chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	MS	Đã trình bày Năm 2020 VND	Trình bày lại Năm 2020 VND	Tăng/Giảm VND
Lợi nhuận trước thuế	01	7.116.062.623	8.883.355.104	1.767.292.481
Tăng giảm hàng tồn kho	10	78.577.298.598	76.810.006.117	(1.767.292.481)

Người lập biểu



Võ Thị Nhân

Kế toán trưởng



Tạ Văn Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hải